

Số: 819 /QĐ-BNN-KHCN

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2050

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu ban hành theo quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 5 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chi tiết kèm theo;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TN và MT, KH và ĐT, Tài chính;
- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT.
- Lưu VT, KHCN < LHA - 125 >.

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU NGÀNH
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2016-2020,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 819/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

I. QUAN ĐIỂM

1. Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2050 (gọi tắt là kế hoạch hành động) gồm các lĩnh vực chủ yếu của ngành (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, thủy lợi, diêm nghiệp và phát triển nông thôn), phải kế thừa kết quả tốt việc thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2011-2015, tầm nhìn đến năm 2050 (ban hành theo quyết định số 543/QĐ-BNN-KHCN ngày 23/3/2011) và đề án giảm phát thải khí nhà kính trong nông nghiệp, nông thôn đến năm 2020 (ban hành theo quyết định số 3119/QĐ-BNN-KHCN ngày 16/12/2011), đồng thời đáp ứng yêu cầu mới về ứng phó với BĐKH và góp phần thực hiện đề án tái cơ cấu ngành (ban hành theo quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013);

2. Việc thực hiện kế hoạch hành động phải trên cơ sở lồng ghép và tận dụng mọi nguồn lực, phát huy nội lực của các tổ chức, cá nhân, tranh thủ sự hỗ trợ quốc tế để tăng cường các hoạt động ứng phó hiệu quả với BĐKH hướng tới phát triển nông nghiệp xanh, ít phát thải và bền vững;

3. Tích hợp thích ứng và giảm thiểu để nâng cao hiệu quả, đáp ứng đa mục tiêu trong ứng phó với BĐKH ngành;

4. Kế hoạch hành động phải phù hợp với yêu cầu thực tế, các địa phương, dễ triển khai thực hiện, phù hợp với trình độ, năng lực của cán bộ địa phương, nông dân, có khả năng nhân rộng và mang lại hiệu quả tích cực cho nông dân góp phần cải thiện đời sống dân cư nông thôn;

5. Lồng ghép giới trong thực hiện kế hoạch hành động, đảm bảo bình đẳng về giới, nâng cao an sinh xã hội, đa dạng sinh kế cho nữ giới và nông dân tại các vùng dễ bị tổn thương do tác động của BĐKH.

II. MỤC TIÊU

1. Nâng cao năng lực về thể chế, chính sách, khoa học công nghệ cho ứng phó với BĐKH ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2050, hướng đến phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững,

nâng cao giá trị gia tăng, cải thiện sinh kế, bảo vệ môi trường và dân cư trước những tác động tiêu cực của BĐKH;

2. Huy động các nguồn lực, sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, thủy lợi, diêm nghiệp và phát triển nông thôn thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm giữ vững tốc độ tăng trưởng ngành 20%, giảm tỷ lệ đói nghèo 20% và giảm phát thải khí nhà kính (KNK) 20% trong mỗi giai đoạn 10 năm;

3. Chủ động ứng phó, phòng chống thiên tai, chống ngập lụt, xâm lấn mặn, củng cố đê sông, đê biển và bảo đảm an toàn hồ chứa, các công trình dân sinh, hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trong bối cảnh BĐKH giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2050.

4. Phát triển nguồn nhân lực, tăng cường hợp tác quốc tế, sử dụng hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ, tích cực tham gia đàm phán quốc tế nâng cao vị thế của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2050 về các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu.

III. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

3.1. Tăng cường các hoạt động ứng phó chung với BĐKH ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2050

3.1.1. Rà soát và tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách

a) Xây dựng chỉ thị và hướng dẫn lồng ghép các nội dung ứng phó với BĐKH vào các chương trình, dự án, kế hoạch hoạt động cụ thể của ngành;

b) Rà soát và bổ sung chính sách hỗ trợ về tài chính, đất đai để khuyến khích các nguồn đầu tư theo cơ chế đối tác công tư (PPP) cho các hoạt động thích ứng và giảm thiểu BĐKH đối với các lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

c) Rà soát, bổ sung các hướng dẫn kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn và định mức kỹ thuật về phương pháp đánh giá tác động BĐKH, phương pháp lấy mẫu, đo đạc và phân tích phát thải KNK, phương pháp xác định các hoạt động ưu tiên, hướng dẫn theo dõi, lập báo cáo và thẩm định (MRV), phương pháp đánh giá và giám sát (M&E), hướng dẫn lồng ghép và thực hiện các đóng góp do quốc gia tự xác định (NDC), các chỉ số giám sát, đánh giá về ứng phó với BĐKH đối với các lĩnh vực hoạt động chính của ngành;

d) Hướng dẫn phương pháp xây dựng đường phát thải KNK cơ sở trong điều kiện canh tác bình thường (BAU), xây dựng đường phát thải KNK theo các kịch bản đối với các đối tượng nông nghiệp điển hình gồm trồng trọt (các cây trồng chủ

thanh

lực như lúa, ngô, đậu tương, mía, cà phê, hồ tiêu, rau), chăn nuôi (đại gia súc, gia súc và gia cầm); thủy sản (đôi với nuôi trồng và đánh bắt);

e) Nghiên cứu đánh giá hiệu quả kinh tế các biện pháp thích ứng và giảm thiểu BĐKH các lĩnh vực ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn và đề xuất lựa chọn các hoạt động thích ứng và giảm phát thải KNK có hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo tốc độ phát triển và nâng cao giá trị gia tăng của ngành.

3.1.2. Thông tin, tuyên truyền và tăng cường năng lực

a) Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ và nông dân về các hoạt động thích ứng, giảm thiểu BĐKH trong các lĩnh vực ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trong đó ưu tiên cho các đối tượng dễ bị tổn thương do tác động của BĐKH;

b) Tăng cường và đổi mới các hoạt động thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức, năng lực cho cán bộ địa phương và cộng đồng về ứng phó với BĐKH đến các lĩnh vực sản xuất ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

c) Nâng cao năng lực dự báo và cảnh báo sớm các hiện tượng thời tiết cực đoan để chủ động ứng phó và giảm nhẹ rủi ro do tác động tiêu cực của BĐKH;

d) Tăng cường các hoạt động liên kết vùng, các lĩnh vực trong triển khai các hoạt động ứng phó với BĐKH ở các vùng sinh thái ven sông, ven biển, lưu vực và các vùng sinh thái tiếp giáp;

e) Tăng cường các hoạt động lồng ghép giới vào trong các hoạt động ứng phó với BĐKH ngành nông nghiệp, nông thôn.

3.1.3. Rà soát, điều chỉnh và quản lý quy hoạch

Rà soát, điều chỉnh và quản lý quy hoạch các lĩnh vực thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn để ứng phó với BĐKH.

3.1.4. Tăng cường hợp tác quốc tế về ứng phó với BĐKH

a) Tăng cường tham gia các hoạt động quốc tế ở các diễn đàn khu vực, vùng và toàn cầu về BĐKH đối với lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

b) Xây dựng kế hoạch thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam theo Thỏa thuận Paris tại COP21 đối với lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

c) Tổ chức các hội thảo quốc tế, khu vực và toàn cầu để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và kiến thức về các hoạt động ứng phó với BĐKH đối với lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

3.2. Ứng phó với BĐKH đối với từng lĩnh vực cụ thể của ngành trong giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2050

3.2.1. Đối với lĩnh vực Trồng trọt

1. Các nhiệm vụ thích ứng

Thaich

a) Nghiên cứu sử dụng hợp lý, hiệu quả đất trồng lúa, sản xuất lúa thích ứng với BĐKH, có chất lượng và giá trị gia tăng cao phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu tại các vùng trồng lúa trọng điểm;

b) Nghiên cứu ứng dụng các mô hình tổng hợp, mô hình liên kết trồng trọt và chăn nuôi, trồng trọt và thủy sản, nông nghiệp ven đô, nông lâm kết hợp, trồng trọt và du lịch sinh thái;

c) Nghiên cứu phát triển và chuyển giao các giống cây trồng mới (lúa, ngô, lạc, đậu tương, rau màu, cà phê, chè) có năng suất, chất lượng cao thích nghi điều kiện canh tác (chịu mặn, chịu hạn, chịu phèn), chế độ canh tác (ngập lụt, hạn hán) phục vụ sản xuất hàng hóa theo mô hình canh tác nông nghiệp thông minh với khí hậu (CSA);

d) Nghiên cứu bố trí lại hệ thống trồng trọt theo hướng đa dạng hóa cây trồng, kỹ thuật canh tác, gắn thâm canh tăng năng suất với bảo vệ tài nguyên môi trường và kiểm soát rủi ro do tác động tiêu cực của BĐKH.

2. Các nhiệm vụ giảm phát thải KNK

a) Tiếp tục triển khai nhân rộng các mô hình, biện pháp canh tác tiên tiến như thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP), quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), kỹ thuật canh tác 3 giảm 3 tăng (3G3T), kỹ thuật canh tác 1 phải 5 giảm (1P5G), quản lý dịch bệnh tổng hợp (IPM), hệ thống canh tác lúa cải tiến (SRI), làm đất tối thiểu, che phủ bằng thảm thực vật;

b) Nghiên cứu phát triển các kỹ thuật bảo vệ đất trồng trọt và kỹ thuật nâng cao hiệu quả sử dụng phân đạm nhằm hạn chế phát thải khí N_2O ;

c) Thí điểm và nhân rộng các mô hình xã hội hóa thu gom, xử lý và tái sử dụng chất thải trong trồng trọt (rơm rạ, thân ngô, lõi ngô, bã mía, lá mía, vỏ cà phê, vỏ sắn,...) làm phân bón hữu cơ, than sinh học, thức ăn chăn nuôi, vật liệu, chất độn,... giảm ô nhiễm môi trường và giảm phát thải KNK.

3.2.2. Đối với lĩnh vực Chăn nuôi

1. Các nhiệm vụ thích ứng

a) Nghiên cứu phát triển các giống vật nuôi mới (bò sữa, bò thịt, lợn lai, dê, cừu, gia cầm, thủy cầm) có năng suất cao, khả năng chống chịu tốt, thích ứng với điều kiện khí hậu để nâng cao giá trị và thị phần của ngành chăn nuôi;

b) Nghiên cứu hoàn thiện và vận hành hệ thống quan trắc chất lượng môi trường trong chăn nuôi, giám sát, dự báo và cảnh báo dịch bệnh trên vật nuôi nhằm phát triển chăn nuôi bền vững thích ứng với BĐKH;

c) Phát triển các mô hình chăn nuôi hỗn hợp như mô hình vườn ao chuồng (VAC), mô hình sản xuất lương thực và năng lượng từ chăn nuôi (IFES), mô hình

Thanh

thích ứng chăn nuôi dựa vào sinh thái (EbA), thực hành chăn nuôi tốt (VietGAP), nông nghiệp thông minh với khí hậu (CSA), chăn nuôi công nghệ cao và khép kín;

d) Nghiên cứu và triển khai ứng dụng mẫu chuồng trại phù hợp thích ứng với BĐKH để chuyển đổi từ quản lý chăn thả từ thả rông sang kiểm soát tại các vùng cao miền núi phía Bắc và Tây Nguyên.

2. Các nhiệm vụ giảm phát thải KNK

a) Nghiên cứu phát triển các loại thức ăn, chuyển đổi khẩu phần thức ăn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi, ưu tiên với bò sữa và động vật nhai lại;

b) Chuyển đổi phương thức chăn nuôi quy mô nhỏ, phân tán sang chăn nuôi trang trại, hình thành vùng chăn nuôi trọng điểm gắn với bảo vệ môi trường, an toàn sinh học và ứng dụng công nghệ cao;

c) Chuyển đổi cơ cấu vật nuôi phù hợp với các quy mô tại từng vùng sinh thái để khai thác tốt lợi thế và cải thiện sinh kế;

d) Tăng cường ứng dụng công nghệ tiên tiến (công nghệ khí sinh học, đệm lót sinh học) trong xử lý chất thải chăn nuôi làm phân bón hữu cơ sinh học hướng đến chăn nuôi an toàn và bảo vệ môi trường;

e) Tiếp tục triển khai chương trình khí sinh học, nghiên cứu và lựa chọn thiết bị lọc phù hợp, đa dạng hóa mục tiêu sử dụng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng khí sinh học trong chăn nuôi để đạt được lợi ích kép về sản xuất năng lượng sạch và giảm ô nhiễm môi trường.

3.2.3. Đối với lĩnh vực Thủy sản

1. Các nhiệm vụ thích ứng

a) Nghiên cứu cải tiến công nghệ nuôi và đối tượng nuôi mới có khả năng chống chịu tốt với điều kiện khí hậu và môi trường;

b) Nâng cấp hệ thống cấp thoát nước và xử lý ô nhiễm môi trường phục vụ nuôi trồng thủy sản đồng bộ, khép kín;

c) Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng các quy trình kỹ thuật nuôi trồng thủy sản an toàn, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) trong thủy sản, nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm (CoC) để sản xuất thủy sản bền vững né tránh thiên tai;

d) Nâng cao năng lực quan trắc và cảnh báo ô nhiễm môi trường, triều cường, thủy triều đỏ, dịch bệnh phục vụ nuôi trồng thủy sản an toàn.

2. Các nhiệm vụ giảm phát thải KNK

a) Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu tàu thuyền với công suất hợp lý, đổi mới công nghệ khai thác;

thanh

